

THỦ TƯỚNG CHÍNH
PHỦ
Số: 462/TTg

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 9 tháng 7 năm 1996

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Điều lệ quỹ hỗ trợ đầu tư quốc gia

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;

Căn cứ Luật khuyến khích đầu tư trong nước ngày 22 tháng 6 năm 1994;

Căn cứ Nghị định số 29/CP ngày 12 tháng 5 năm 1995 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật khuyến khích đầu tư trong nước;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ hỗ trợ đầu tư Quốc gia,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Điều lệ Quỹ hỗ trợ đầu tư Quốc gia ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ban hành.

Điều 3. Giao Bộ trưởng Bộ Tài chính, Chủ tịch Hội đồng quản lý và Tổng giám đốc Quỹ hỗ trợ đầu tư Quốc gia chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Quyết định này. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Phan Văn Khải

(Đã ký)

ĐIỀU LỆ

QUỸ HỖ TRỢ ĐẦU TƯ QUỐC GIA

(Ban hành kèm theo Quyết định số 462/TTg ngày 09-07-1996 của Thủ tướng Chính phủ)

Chương 1:

QUY ĐỊNH CHUNG:

Điều 1. Quỹ hỗ trợ đầu tư Quốc gia (viết tắt là QHTĐTQG) được thành lập và hoạt động theo Quyết định số 808/TTg ngày 9 tháng 12 năm 1995 của Thủ tướng Chính phủ và các văn bản pháp luật hiện hành có liên quan.

Tên giao dịch quốc tế của Quỹ: National Investment Assistant Fund, viết tắt là NIAF.

Điều 2. QHTĐTQG là một tổ chức tài chính Nhà nước, hoạt động trên phạm vi cả nước. Quỹ có chức năng huy động vốn của các tổ chức và cá nhân trong và ngoài nước; tiếp nhận các nguồn vốn đầu tư của Nhà nước để cho vay đối với các dự án đầu tư phát triển các ngành nghề thuộc diện ưu đãi của mọi thành phần kinh tế và các vùng có khó khăn theo quy định của Chính phủ.

Điều 3. QHTĐTQG là một pháp nhân, có Hội đồng quản lý (HĐQL) và cơ quan điều hành tác nghiệp, có vốn điều lệ khi thành lập là 1.100 tỷ VNĐ (một nghìn một trăm tỷ đồng), có bảng cân đối, có con dấu, được mở tài khoản tại hệ thống Kho bạc Nhà nước (KBNN), tại các Ngân hàng trong nước và nước ngoài. Trụ sở chính của QHTĐTQG đặt tại thành phố Hà Nội. Quỹ có các chi nhánh ở các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương do HĐQL quyết định. Quỹ được đặt các văn phòng giao dịch ở nước ngoài khi cần thiết theo quy định của Chính phủ.

Điều 4. Hoạt động của QHTĐTQG không vì mục đích lợi nhuận, nhưng phải bảo đảm hoàn vốn và bù đắp chi phí quản lý. Quỹ được miễn thuế, miễn nộp khoản thu về sử dụng vốn Ngân sách Nhà nước để giảm lãi suất cho vay đối với các dự án đầu tư phát triển thuộc các ngành nghề ưu đãi và các vùng khó khăn theo quy định của Chính phủ.

Điều 5. QHTĐTQG đặt dưới quyền quản lý của HĐQL và quyền điều hành của Tổng giám đốc.

Chương 2:

VỐN HOẠT ĐỘNG, QUYỀN HẠN VÀ NGHĨA VỤ

I. Vốn hoạt động

A. Tiếp nhận và huy động các nguồn vốn

1. Vốn điều lệ:

Điều 6. Vốn điều lệ khi thành lập và tăng thêm QHTĐTQG được hình thành từ các nguồn sau đây:

1. Vốn do Ngân sách Nhà nước cấp bằng 50% tổng số vốn điều lệ;
1. Vốn góp của các tổ chức bảo hiểm, tín dụng quốc doanh, doanh nghiệp Nhà nước. Danh sách các tổ chức góp vốn và mức vốn góp do Bộ trưởng Bộ Tài chính trình Thủ tướng Chính phủ quyết định;
3. Vốn góp tự nguyện của các cá nhân, các tổ chức trong và ngoài nước.

Điều 7. Việc cấp và góp vốn điều lệ lần đầu và tăng vốn điều lệ nói tại điểm 1 và 2 Điều 6 của Điều lệ này do Hội đồng quản lý đề nghị, Bộ Tài chính trình Thủ tướng Chính phủ quyết định:

1. Đối với vốn cấp của NSNN được bố trí trong kế hoạch Ngân sách hàng năm.
2. Đối với vốn góp của các tổ chức bảo hiểm, tín dụng, doanh nghiệp Nhà nước được lấy từ lợi nhuận sau thuế của năm hoạt động trước đó với mức tối thiểu là 3%.

2. Vốn huy động

Điều 8. QHTĐTQG được huy động và tiếp nhận các nguồn vốn sau đây:

1. Vốn vay trung và dài hạn của các tổ chức và cá nhân trong và ngoài nước;
2. Tiếp nhận các nguồn vốn đầu tư của Nhà nước, bao gồm các khoản vay của Chính phủ và nguồn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) để cho vay đối với các dự án được Chính phủ quy định;
3. Phát hành trái phiếu trung và dài hạn;
4. Nhận vốn uỷ thác cho vay ĐTPT của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước;
5. Tiếp nhận các nguồn vốn của các tổ chức kinh tế, xã hội và cá nhân tự nguyện gửi QHTĐTQG để đầu tư phát triển.

B. Cho vay và thu hồi nợ

Điều 9. Đối tượng được QHTĐTQG xem xét cho vay vốn là các dự án đầu tư trung hạn và dài hạn trong các ngành nghề thuộc diện ưu đãi hoặc trong các vùng dân tộc thiểu số, miền núi, hải đảo và các vùng khó khăn khác khác theo quy định của Chính phủ .

Điều 10. Các dự án đầu tư được xem xét cho vay vốn từ QHTĐTQG phải đảm bảo các điều kiện:

1. Được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định hiện hành;
2. Được Bộ Kế hoạch và Đầu tư hoặc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương cấp giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư;
3. Có khả năng thu hồi vốn trực tiếp;
4. Phải có tài sản thế chấp hoặc bảo lãnh hoặc tín chấp theo quy định.

Điều 11. Mức vốn cho vay từ QHTĐTQG để thực hiện một dự án đầu tư tối đa không quá 50% tổng mức vốn đầu tư đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, trường hợp quá mức quy định này phải được Chủ tịch Hội đồng Quản lý xem xét quyết định.

Điều 12. Lãi suất cho vay vốn của QHTĐTQG:

- a. Đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh mới tại vùng Dân tộc thiểu số, miền núi, hải đảo và các vùng khó khăn khác, được ưu tiên cho vay theo lãi suất ưu đãi do Chính phủ quy định;
- b. Đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh mới theo quy định tại Điều 9 và 11 của Luật khuyến khích đầu tư trong nước, cho vay theo lãi suất do HĐQL quyết định theo nguyên tắc bảo đảm hoàn vốn và bù đắp chi phí quản lý.

Điều 13. Thời hạn thu nợ (gốc và lãi) và thời điểm bắt đầu trả nợ (gốc và lãi) được xác định trong hợp đồng vay vốn.

Đến thời hạn trả nợ, chủ dự án không trả được nợ, QHTĐTQG sẽ chuyển sang nợ quá hạn và chủ dự án bị xử lý theo quy định của Pháp luật.

Điều 14. Quỹ HTĐTQG tổ chức việc cho vay và thanh toán khối lượng xây dựng cơ bản bao gồm xây lắp, thiết bị, chi phí khác về xây dựng cơ bản trực tiếp cho đơn vị nhận thầu, cung cấp thiết bị và chủ dự án.

Điều 15. QHTĐTQG không được đầu tư vốn ra nước ngoài.

II. Quyền hạn và nghĩa vụ của QHTĐTQG

Điều 16. QHTĐTQG có các quyền hạn sau đây về tổ chức quản lý và tài chính:

1. Quản lý, sử dụng vốn và tài sản được giao;
2. Được sử dụng bộ máy tổng cục ĐTPT để điều hành hoạt động phù hợp với mục tiêu và nhiệm vụ được giao;
3. Phối hợp với các ngành, các cấp, các tổ chức tài chính, tín dụng trong và ngoài nước để huy động vốn cho vay đối với các dự án đầu tư phát triển có khả năng thu hồi vốn trong các ngành, nghề thuộc diện ưu đãi và các vùng có khó khăn theo quy định của Chính phủ;
4. Tổ chức quản lý và khai thác các nguồn lực nhằm tăng trưởng nguồn vốn cho vay hỗ trợ các dự án đầu tư phát triển;
5. Xây dựng, áp dụng các định mức quản lý, tính toán lãi suất cho vay đối với từng loại dự án đầu tư trong khuôn khổ nguồn vốn và chính sách của Chính phủ đối với các dự án đầu tư phát triển các ngành nghề thuộc diện ưu đãi và các vùng có khó khăn theo quy định của Chính phủ;
6. Sau khi làm đủ nghĩa vụ trả lãi đối với các khoản vay, chi phí quản lý, quỹ dự phòng rủi ro nghiệp vụ, số còn lại được chia cho các thành viên góp vốn và trích lập các quỹ theo quy định tại Điều 38 của Điều lệ này;
7. Được Nhà nước bù đắp các rủi ro bất khả kháng;
8. Được miễn các loại thuế.

Điều 17. QHTĐTQG được yêu cầu chủ dự án cung cấp các thông tin về tình hình sản xuất kinh doanh, tình hình tài chính, tín dụng của doanh nghiệp. Có quyền kiểm tra việc thực hiện dự án và kiểm tra việc quản lý, sử dụng vốn vay. Nếu phát hiện chủ dự án sử dụng vốn sai mục đích, không có hiệu quả, Quỹ có quyền từ chối hoặc đình chỉ cấp tiền vay, thu hồi vốn vay, đồng thời thông báo cho cơ quan cấp trên của chủ dự án và các cơ quan liên quan để có biện pháp xử lý theo pháp luật.

Có quyền từ chối mọi yêu cầu cho vay vốn của các tổ chức, cá nhân trái với quy định của Điều lệ này.

Điều 18. Trong quan hệ với Nhà nước, QHTĐTQG có trách nhiệm: